

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU TIỀN VUA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU TIỀN VUA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM KING VEGETABLES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM KING VEGETABLES.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110861499

3. Ngày thành lập: 14/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, Số 173 đường Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0367704014

Fax:

Email: ketoan297@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng rau các loại: - Trồng các loại rau lấy lá như: Rau cải, bắp cải, rau muống, súp lơ, cây bông cải xanh, rau diếp, măng tây, rau cúc, rau cần ta, rau cần tây và các loại rau lấy lá khác; - Trồng các loại rau lấy quả như: Dưa hấu, dưa chuột, bí xanh, bí ngô, cà chua, cây cà, cây ớt, các loại dưa và rau có quả khác; - Trồng các loại rau lấy củ, củ rễ, hoặc lấy thân như: Su hào, cà rốt, cây củ cải, cây hành, cây tỏi ta, cây tỏi tây, cây mùi, cây hẹ và cây lấy rễ, củ hoặc thân khác; trồng rau tiên vua; - Trồng cây củ cải đường; - Trồng các loại nấm.	0118(Chính)
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124

14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
31.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
32.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
35.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
36.	Sản xuất chè	1076
37.	Sản xuất cà phê	1077
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
41.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
43.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
48.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
49.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
50.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
51.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau tiền vua, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác	4632
52.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kho ngoại quan)	5210
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
58.	Đại lý du lịch	7911
59.	Điều hành tua du lịch	7912

60.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
61.	Dịch vụ đóng gói	8292
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
65.	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, ngh ch a kh p m v i H th ng ngành kinh t Vĩ t Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 700.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MAI QUỐC TẾ LIM	Tầng 24 Tháp A, Tòa nhà Sông Đà, Số 18 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0109824823	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	35,000		
			Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	35,000		
2	NGUYỄN HOÀNG LONG	Thôn Phúc Khánh, Xã Vĩnh Kiên, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	5,000	0150880073 64	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	35.000	350.000.000	5,000		

3	LÊ HỒNG SON	Khối 4, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	15,000	040069023580
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	15,000	
4	NGUYỄN PHAN TUẤN	Số 14 ngõ 84 Trần Đại Nghĩa, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	105.000	1.050.000.000	15,000	001081005107
			Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	15,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	15,000	
5	TRẦN VŨ ÁI	P405/CT1b, Chung cư Nam Đô, đường Trương Định, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	042081000176
			Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	15,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	15,000	
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	15,000	

6	NGUYỄN THANH TRỌNG	Phòng 514 VP4 Linh Đàm, đường Nguyễn Duy Trình, Khu đô thị Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0420790004 94
			Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	15,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN HOÀNG LONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Gi m c*

Sinh ngày: 23/05/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Vì t Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015088007364

Ngày cấp: 02/10/2021

Nơi cấp: C c C nh s t Qu n l hành ch nh v tr t t x
h i

Địa chỉ thường trú: *Thị trấn Phố Mới, Xã Vĩnh Kiên, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thị trấn Phố Mới, Xã Vĩnh Kiên, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội